

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ HÙNG SƠN

Số: /NQ-HĐND  
(Dự thảo)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hùng Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn**  
**vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Hùng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HÙNG SƠN**  
**KHÓA I, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về các nội dung liên quan đến nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2026 và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 3006 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Thông báo số 46-TB/ĐU ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về việc Kết luận tại phiên họp ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 xã Hùng Sơn; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-KTNS ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2026-2030, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công các dự án trọng điểm: 11 dự án, tổng nhu cầu vốn: 2.135.000.000.000 đồng.

(Phụ lục 1 đính kèm)

2. Kế hoạch đầu tư công các dự án thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư: 272 công trình, tổng nhu cầu vốn: 1.291.230.000.000 đồng.

(Phụ lục 2 đính kèm)

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành xã chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Việc điều chỉnh, bổ sung danh mục trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân thông qua và được sự thống nhất Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa I, nhiệm kỳ 2026-2030, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày HĐND xã biểu quyết thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐDB QH và HĐND thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND, Ủy ban MTTQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Văn Phòng HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT-TH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn An**



**PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU NÂNG CẤP, SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Đã phân bổ đợt 1 (dự phòng ngân sách xã)	Phân bổ đợt 2 (Ngân sách thành phố)	Công nợ đến thời điểm tháng 12	Sự cần thiết đầu tư
1	<b>NGUỒN THANH PHỐ ĐÁ NÂNG HỖ TRỢ</b>		12.820	350	2.000	8.250	
1	Hỗ trợ		240	-	260	-	
1	Mua sắm lương thực, thực phẩm đợt sạt lở đất tại thôn Pút và Da'đing	Thôn Pút, Da'đing, Glao	140		140	-	Tại thời điểm này rất cần có lương thực thực phẩm, để phục vụ nhân dân
2	Mua sắm ống nước, máy bơm, Bồn inox....	Thôn Da'đing và Pút	100		120		Sau khi sạt lở đất, 02 thôn không có nguồn nước, tại thời điểm này đã hỗ trợ khẩn cấp
2	<b>Trả nợ cho sạt lở đường do thiên tai gây ra (Bảo số 12)</b>		5.807	-	1.740	4.067	
7	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra, tuyến vào các thôn: Arâng, Arring và T'râm, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		493,45		150	343	

8	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra, tuyến đường sản xuất Auốt vào thôn Agriih, đường vào khu du lịch Pomu, đường vào khu Miếu, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		316,50		100	216
9	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu cơn bão số 12 gây ra, tuyến đường: Từ thôn Cha'lăng đi thôn Nhung, Achoong và từ thôn Cha'lăng đi thôn H'juh, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		361,64		110	252
10	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra từ thôn Abaanh I, đi thôn Ariêu, Abaanh II, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		299,18		100	199
11	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 gây ra trên các tuyến đường từ thôn Atu I đi thôn Atu II, tuyến giao thông trực thuộc địa bàn (UBND xã Ch'om cũ), xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		941,58		300	642
12	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu cơn bão số 12 gây ra trên tuyến đường ĐT606 đi Atu I, xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		1.159,71		350	810

Hoàn lưu bão số 12

13	Khắc phục đảm bảo giao thông bước 1 do hoàn lưu bão số 12 số gây ra, tuyến đường ĐH4 và các tuyến đường đến các thôn thuộc xã Gari (cũ), xã Hùng Sơn, Tp Đà Nẵng		2.234,46		630	1.604
----	--	--	----------	--	-----	-------



**PHỤ LỤC 02: DỰ KIẾN NHU CẦU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030  
DỰ ÁN CẤP HĐND VÀ UBND XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
<b>C</b>	<b>NGÀNH, LĨNH VỰC</b>		<b>1.291.230</b>	<b>-</b>	<b>1.291.230</b>	<b>1.286.066</b>	<b>5.164</b>	
<b>I</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>		<b>15.000</b>		<b>15.000</b>	<b>14.250</b>	<b>750</b>	
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã	Hùng Sơn	15.000		15.000	14.250	750	
<b>II</b>	<b>AN NINH TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XH</b>		<b>25.000</b>		<b>25.000</b>	<b>23.750</b>	<b>1.250</b>	
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã xã	Hùng Sơn	25.000		25.000	23.750	1.250	
<b>III</b>	<b>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ</b>		<b>30.000</b>		<b>30.000</b>	<b>30.000</b>		
1	Nâng cấp, sửa chữa điểm trường các thôn trên địa bàn xã	Hùng Sơn	30.000		30.000	30.000		
<b>IV</b>	<b>KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ</b>		<b>6.000</b>		<b>6.000</b>	<b>6.000</b>		
1	Đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ trung tâm hành chính xã và tại tất cả các điểm thôn trên địa bàn	Hùng Sơn	6.000		6.000	6.000		
<b>V</b>	<b>Y TẾ - DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>		<b>29.000</b>		<b>29.000</b>	<b>29.000</b>		
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Sơn	Hùng Sơn	20.000		20.000	20.000		
2	Sửa chữa trạm y tế điểm Gari	Hùng Sơn	2.000		2.000	2.000		
3	Sửa chữa trạm y tế điểm Ch'ôm	Hùng Sơn	5.000		5.000	5.000		
4	Xây dựng trạm y tế điểm Tr'hy	Hùng Sơn	2.000		2.000	2.000		
<b>VI</b>	<b>VĂN HÓA - THÔNG TIN</b>		<b>105.000</b>		<b>105.000</b>	<b>105.000</b>		
1	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ga'nil	Ga'nil	5.000		5.000	5.000		
2	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Arâng	Arâng	5.000		5.000	5.000		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
3	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ariing	Ariing	5.000		5.000	5.000		
4	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Agriih	Agriih	5.000		5.000	5.000		
5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn T'râm	T'râm	5.000		5.000	5.000		
6	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Voong	Voong	5.000		5.000	5.000		
7	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ariêu	Ariêu	5.000		5.000	5.000		
8	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Abaanh I	Abaanh I	5.000		5.000	5.000		
9	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Abaanh II	Abaanh II	5.000		5.000	5.000		
10	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Dâm II	Dâm II	5.000		5.000	5.000		
11	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Cha'nốc	Cha'nốc	5.000		5.000	5.000		
12	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Atu I	Atu 1	5.000		5.000	5.000		
13	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Atu II	Atu 2	5.000		5.000	5.000		
14	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn H'juh	H'juh	5.000		5.000	5.000		
15	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Cha'lăng	Cha'lăng	5.000		5.000	5.000		
16	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Nhung	Nhung	5.000		5.000	5.000		
17	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Arooi	Arooi	5.000		5.000	5.000		
18	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Da'ding	Da'ding	5.000		5.000	5.000		
19	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Ating	Ating	5.000		5.000	5.000		
20	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Glao	Glao	5.000		5.000	5.000		
21	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng gắn với phòng chống thiên tai thôn Pút	Pút	5.000		5.000	5.000		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
<b>VII</b>	<b>PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH</b>		<b>10.000</b>		<b>10.000</b>	<b>10.000</b>		
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng đài phát thanh tại trung tâm hành chính xã	Hùng Sơn	10.000		10.000	10.000		
<b>VIII</b>	<b>THỂ DỤC THỂ THAO</b>		<b>32.000</b>		<b>32.000</b>	<b>32.000</b>		
1	Xây dựng khu thể dục thể thao các điểm thôn	Hùng Sơn	12.000		12.000	12.000		
2	Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao xã	Hùng Sơn	20.000		20.000	20.000		
<b>IX</b>	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>		<b>8.000</b>		<b>8.000</b>	<b>8.000</b>		
1	Nhà máy xử lý rác thải Trung tâm xã Hùng Sơn	Hùng Sơn	8.000		8.000	8.000		
<b>X</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>		<b>1.031.230</b>	<b>-</b>	<b>1.031.230</b>	<b>1.028.066</b>	<b>3.164</b>	
<b>-1</b>	<b>NÔNG - LÂM</b>		<b>20.000</b>		<b>20.000</b>	<b>20.000</b>		
1	Trang trại chăn nuôi tập trung 50 ha đến 100 ha (quy mô chuồng trại, hạ tầng kỹ thuật. Trạm chăm sóc thú y, hệ thống xử lý nước thải, môi trường, khu vực thí nghiệm: 10 ha; trồng nguyên liệu chăn nuôi trên 50 ha); con chủ đạo gà chọi lấy thịt, gà đẻ trứng, lợn, bò và dê; (hình thức đầu tư công hạ tầng; kêu gọi đầu tư)	Hùng Sơn	10.000		10.000	10.000		
2	Xây dựng hạ tầng vùng trồng dược liệu	Hùng Sơn	10.000		10.000	10.000		
<b>-2</b>	<b>THỦY LỢI - THỦY SẢN</b>		<b>90.100</b>		<b>90.100</b>	<b>90.100</b>		
1	Xây dựng Thủy lợi Cha long	Atu 1	3.500		3.500	3.500		
2	Thủy lợi Zur rớt	Atu 2	3.500		3.500	3.500		
3	Thủy lợi Tư Rul	Ariing	4.000		4.000	4.000		
4	Đầu tư nước thủy lợi vào khu SX đồi Pu	Dâm 2	3.600		3.600	3.600		
5	Thủy lợi khu SX Bhiriu	Dâm 2	4.500		4.500	4.500		
6	Đầu tư nước thủy lợi Ch'loong	Cha'nóc	3.100		3.100	3.100		
8	Xây dựng đường mương thủy lợi la lết	Atu II	4.600		4.600	4.600		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
9	Đầu tư xây dựng thủy lợi Tovãng	Cha'lãng	2.500		2.500	2.500		
10	Đầu tư mương thủy lợi tang glao	Glao	3.500		3.500	3.500		
11	Đầu tư xây dựng thủy lợi Adác	Achoong	2.800		2.800	2.800		
13	Xây dựng đường mương tưới tiêu khu sản xuất Đhngoong	Da'ding	4.500		4.500	4.500		
14	Xây dựng đường mương tưới tiêu khu sản xuất Chirum	Da'ding	3.900		3.900	3.900		
15	Xây dựng thủy lợi Abo	Ki'nonh	2.500		2.500	2.500		
16	Xây dựng thủy lợi Đông K lông	Ki'nonh	3.100		3.100	3.100		
17	Xây dựng thủy lợi Gốp	Ki'nonh	2.800		2.800	2.800		
18	Xây dựng thủy lợi Ra điêng	Ki'nonh	2.700		2.700	2.700		
19	Xây dựng thủy lợi Ta vạc	Ki'nonh	2.100		2.100	2.100		
20	Xây dựng thủy lợi Đhi Đhú	Ki'nonh	3.100		3.100	3.100		
21	Xây dựng thủy lợi Ra Gương	Ki'nonh	3.000		3.000	3.000		
22	Đầu tư xây dựng thủy lợi Chí run	Da'ding	2.500		2.500	2.500		
23	Đầu tư xây dựng thủy lợi Réc Panét	Da'ding	4.500		4.500	4.500		
24	Đầu tư xây dựng thủy lợi Đông tí	Da'ding	3.100		3.100	3.100		
25	Đầu tư xây dựng thủy lợi Azoonh	Da'ding	2.400		2.400	2.400		
26	Đầu tư xây dựng thủy lợi Chinác qua Chitang	Da'ding	2.900		2.900	2.900		
27	Đầu tư xây dựng thủy lợi Ka dhung	Agriih	3.100		3.100	3.100		
29	Đầu tư xây dựng thủy lợi Ta Lãm	Agriih	2.600		2.600	2.600		
30	Đầu tư xây dựng thủy lợi A cuốih	Achoong	3.200		3.200	3.200		
31	Xây dựng hạ tầng phát triển cá tầm, các loại cá khác	Arâng, Ariing	2.500		2.500	2.500		
32	Phát triển kinh tế nuôi trồng thủy sản trên lồng hồ	Voong	2.600		2.600	2.600		
<b>-3</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>		<b>37.200</b>	<b>-</b>	<b>37.200</b>	<b>37.200</b>		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
1	Hệ thống điện chiếu sáng Trung tâm xã Hùng Sơn (từ TT xã đi thôn Ariing , Ganil.....)	Hùng Sơn	2.500		2.500	2.500		
2	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Arâng	Arâng	1.000		1.000	1.000		
3	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ariing	Ariing	1.000		1.000	1.000		
4	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ki'nonh	Ki'noonh	1.000		1.000	1.000		
5	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ga'nil	Ga'nil	1.000		1.000	1.000		
6	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Agriih	Agriih	1.000		1.000	1.000		
7	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn T'râm	T'râm	1.000		1.000	1.000		
8	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Voong	Voong	1.000		1.000	1.000		
9	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ariêu	Ariêu	1.000		1.000	1.000		
10	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Abaanh 1	Abaanh 1	1.000		1.000	1.000		
11	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Abaanh 2	Abaanh 2	1.000		1.000	1.000		
12	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Dâm 1	Dâm 1	1.000		1.000	1.000		
13	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Dâm 2	Dâm 2	1.000		1.000	1.000		
14	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Achoong	Achoong	1.000		1.000	1.000		
15	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ch'nốc	Ch'a'nốc	1.000		1.000	1.000		
16	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Atu 1	Atu 1	1.000		1.000	1.000		
17	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Atu 2	Atu 2	1.000		1.000	1.000		
18	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn H'juh	H'juh	1.000		1.000	1.000		
19	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Cha'lăng	Cha'lăng	1.000		1.000	1.000		
20	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Nhung	Nhung	1.000		1.000	1.000		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
21	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Arooi	Arooi	1.000		1.000	1.000		
22	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Ating	Ating	1.000		1.000	1.000		
23	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Da'ding	Da'ding	1.000		1.000	1.000		
24	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Glao	G'lao	1.000		1.000	1.000		
25	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Pút	Pút	1.000		1.000	1.000		
26	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trục đường từ Trung tâm xã đi Ngã ba Pơ mu	Arâng	1.500		1.500	1.500		
27	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trục đường từ Trung tâm xã đi thôn Ki'noonh	Ki'noonh	2.000		2.000	2.000		
28	Hệ thống chống sét công cộng thôn Arâng	A râng	300		300	300		
29	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ariing	Ariing	300		300	300		
30	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ki'nonh	Ki'noonh	300		300	300		
31	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ga'nil	Ga'nil	300		300	300		
32	Hệ thống chống sét công cộng thôn Agriih	Agriih	300		300	300		
33	Hệ thống chống sét công cộng thôn T'râm	T'râm	300		300	300		
34	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Voong	Voong	300		300	300		
35	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ariêu	Ariêu	300		300	300		
36	Hệ thống chống sét công cộng thôn Abaanh 1	Abaanh 1	300		300	300		
37	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Abaanh 2	Abaanh 2	300		300	300		
38	Hệ thống chống sét công cộng thôn Dâm 1	Dâm 1	300		300	300		
39	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Dâm 2	Dâm 2	300		300	300		
40	Hệ thống chống sét công cộng thôn Achoong	Achoong	300		300	300		
41	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Cha'nóc	Cha'nóc	300		300	300		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
42	Hệ thống chống sét công cộng thôn Atu 1	Atu 1	300		300	300		
43	Hệ thống chống sét công cộng thôn Atu 2	Atu 2	300		300	300		
44	Hệ thống chống sét công cộng thôn H'juh	H'juh	300		300	300		
45	Hệ thống chống sét công cộng thôn Cha'lăng	Cha'lăng	300		300	300		
46	Hệ thống chống sét công cộng thôn Nhung	Nhung	300		300	300		
47	Hệ thống chống sét công cộng thôn Arooi	Arooi	300		300	300		
48	Hệ thống chống sét công cộng thôn Ating	Ating	300		300	300		
49	Hệ thống chống sét công cộng thôn Da'ding	Da'ding	300		300	300		
50	Hệ thống chống sét công cộng thôn G'lao	G'lao	300		300	300		
51	Hệ thống chống sét công cộng thôn Pút	Pút	300		300	300		
<b>-4</b>	<b>ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ</b>		<b>210.200</b>	<b>-</b>	<b>210.200</b>	<b>207.036</b>	<b>3.164</b>	
2	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ki'noonh (khu mới)	Ki'noonh	10.000		10.000	9.800	200	
4	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ariing (khu mới)	Ariing	8.000		8.000	7.840	160	
5	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn T'râm (khu mới)	T'râm	7.500		7.500	7.350	150	
6	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ga'nil (khu mới)	Ga'nil	6.900	-	6.900	6.762	138	
7	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Agriih (khu mới)	Agriih	5.000	-	5.000	4.900	100	
8	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Achoong (khu mới)	Achoong	4.500	-	4.500	4.410	90	
9	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Cha'nóc (khu mới)	Cha'nóc	6.500	-	6.500	6.370	130	
10	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Atu 1 (khu mới)	Atu 1	5.500	-	5.500	5.390	110	
11	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Atu 2 (khu mới)	Atu 2	6.500	-	6.500	6.370	130	
12	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn H'juh (khu mới)	H'juh	6.500	-	6.500	6.370	130	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	DB, GPMB	
13	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ch'lăng (khu mới)	Ch'lăng	8.900	-	8.900	8.722	178	
14	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Chung (khu mới)	Dhung	7.600	-	7.600	7.448	152	
15	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Da'ding (khu mới)	Da'ding	8.500	-	8.500	8.330	170	
16	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Pút (khu mới)	Pút	7.600	-	7.600	7.448	152	
17	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Arooi (khu mới)	Arooi	5.600	-	5.600	5.488	112	
18	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ating (khu mới)	Ating	7.000	-	7.000	6.860	140	
19	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Glao (khu mới)	Glao	7.000	-	7.000	6.860	140	
20	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Voong (khu mới)	Voong	5.000	-	5.000	4.900	100	
21	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Ariêu (khu mới)	Ariêu	6.500	-	6.500	6.370	130	
22	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Dâm 1 (khu mới)	Dâm 1	7.000	-	7.000	6.860	140	
23	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Dâm 2 (khu mới)	Dâm 2	7.600	-	7.600	7.448	152	
24	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Abaanh 1 (khu mới)	Abaanh 1	6.000	-	6.000	5.880	120	
25	San ủi mặt bằng bố trí dân cư gắn với sản xuất nông lâm nghiệp thôn Abaanh 2 (khu mới)	Abaanh 2	7.000	-	7.000	6.860	140	
26	Kè chống sạt lở thôn Ki'noonh	Ki'noonh	6.500	-	6.500	6.500		
27	Kè chống sạt lở thôn Pút	Pút	6.500	-	6.500	6.500		
28	Kè chống sạt lở thôn Da'ding	Da'ding	6.500	-	6.500	6.500		
29	Kè chống sạt lở thôn Cha'nốc	Cha'nốc	6.500	-	6.500	6.500		
30	Kè chống sạt lở thôn Dâm I	Dâm I	6.500	-	6.500	6.500		
31	Kè chống sạt lở thôn Dâm II	Dâm II	6.500	-	6.500	6.500		
32	Kè chống sạt lở thôn Ga'nil	Ga'nil	6.500	-	6.500	6.500		
33	Kè chống sạt lở thôn Ariing	Ariing	6.500	-	6.500	6.500		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
-5	<b>GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</b>		<b>265.800</b>	-	<b>265.800</b>	<b>265.800</b>		
1	Đầu tư xây dựng bê tông hóa đường vào khu sản xuất Bhiriu thôn Dâm II (đã có mặt đường có chiều dài khoảng 8km)	Dâm 2	20.000		20.000	20.000		
2	Mở đường vào khu SX cánh đồng Achêr	Dâm 2	4.500		4.500	4.500		
3	Mở đường vào khu sản xuất đong Alước	Dâm 2	4.500		4.500	4.500		
4	Mở đường vào khu sản xuất Chinoong	Dâm 2	5.500		5.500	5.500		
5	Mở đường vào khu sản xuất đong đồng Pu	Dâm 2	4.100		4.100	4.100		
6	Nâng cấp Mở rộng đường giao thông từ Trung tâm xã đi thôn Ariing	Ariing	7.500		7.500	7.500		
7	Đường Giao thông từ thôn thôn Ariêu đi khu sản xuất Pinang	Ariêu	3.700		3.700	3.700		
8	Kiên cố hóa mặt đường và các công trình trên tuyến vào khu sản xuất adôh đã có mặt đường chiều dài toàn tuyến khoảng 1,5km	Ariêu	3.500		3.500	3.500		
9	Đường Giao thông đi khu sản xuất Ka Lanh	Ariing	3.500		3.500	3.500		
10	Đường Giao thông đi khu sản xuất Tư Rul	Ariing	3.500		3.500	3.500		
11	Đường Giao thông đi khu sản xuất Pa Gar	Arâng	3.500		3.500	3.500		
12	Đường Giao thông đi khu sản xuất Ta cãl- Pa đum- Cư đal	Arâng	3.500		3.500	3.500		
13	Đường Giao thông đi khu sản xuất Abo	Ki'noonh	3.500		3.500	3.500		
14	Đường Giao thông đi khu sản xuất Ra diêng	Ki'noonh	4.000		4.000	4.000		
15	Đường Giao thông đi khu sản xuất khu Góp	Ki'noonh	3.500		3.500	3.500		
16	Cầu treo vào khu sản xuất Ra diêng	Ki'noonh	3.500		3.500	3.500		
17	Cầu treo đi khu sản xuất khu Achâm	Ki'noonh	3.500		3.500	3.500		
18	Cầu treo đi khu sản xuất khu Achanh	Ki'noonh	3.500		3.500	3.500		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
19	Cầu treo đi khu sản xuất khu Ga rương	Ki'noonh	3.500		3.500	3.500		
20	Đường Giao thông đi khu sản xuất Za moong	Hùng Sơn	3.500		3.500	3.500		
21	Đường Giao thông đi khu sản xuất Adhố	Atu 1	3.500		3.500	3.500		
22	Đường Giao thông đi khu sản xuất đồi Atu	Atu 2	3.500		3.500	3.500		
23	Đường Giao thông đi khu sản xuất Cư noong	Ga'nil	4.500		4.500	4.500		
24	Xây dựng cầu bản vào khu sản xuất suối Ri Gih	Ga'nil	3.500		3.500	3.500		
25	Đường vào khu sản xuất Chinoong	Dâm 2	3.500		3.500	3.500		
26	Đường và khu sản xuất đồi Pu	Dâm 2	3.500		3.500	3.500		
27	Đường và khu sản xuất Đhungoong	Pút	3.500	-	3.500	3.500		
28	Đường giao thông từ thôn Atu 1 đi thôn Atu 2 (đường được liệt	Atu 1 và Atu 2	15.000		15.000	15.000		
29	Đường Giao thông nông thôn, thôn Voong	Voong	3.500		3.500	3.500		
30	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ariêu	Ariêu	2.500		2.500	2.500		
31	Đường Giao thông nông thôn, thôn Dâm I	Dâm I	2.500		2.500	2.500		
32	Đường Giao thông nông thôn, thôn Dâm II	Dâm II	2.500		2.500	2.500		
33	Đường Giao thông nông thôn, thôn Abaanh 1	Abaanh 1	2.500		2.500	2.500		
34	Đường Giao thông nông thôn, thôn Abaanh 2	Abaanh 2	2.500		2.500	2.500		
35	Đường Giao thông nông thôn, thôn Arâng	Arâng	2.500		2.500	2.500		
36	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ariing	Ariing	2.500		2.500	2.500		
37	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ki'noonh	Ki'noonh	2.500		2.500	2.500		
38	Đường Giao thông nông thôn, thôn T'râm	T'râm	2.500		2.500	2.500		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
39	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ga'nil	Ga'nil	2.500		2.500	2.500		
40	Đường Giao thông nông thôn, thôn Agriih	Agriih	2.500		2.500	2.500		
41	Đường Giao thông nông thôn, thôn Arooi	Arooi	2.500		2.500	2.500		
42	Đường Giao thông nông thôn, thôn Pút	Pút	2.500		2.500	2.500		
43	Đường Giao thông nông thôn, thôn Da'ding	Da'ding	2.500		2.500	2.500		
44	Đường Giao thông nông thôn, thôn Ating	Ating	2.500		2.500	2.500		
45	Đường Giao thông nông thôn, thôn G'lao	G'lao	2.500		2.500	2.500		
46	Đường Giao thông nông thôn, thôn H'juh	H'juh	3.500		3.500	3.500		
47	Đường Giao thông nông thôn, thôn Cha'lăng	Cha'lăng	2.500		2.500	2.500		
48	Đường Giao thông nông thôn, thôn Nhung	Nhung	2.500		2.500	2.500		
49	Đường Giao thông nông thôn, thôn Atu 1	Atu 1	2.500		2.500	2.500		
50	Đường Giao thông nông thôn, thôn Atu 2	Atu 2	2.500		2.500	2.500		
51	Đường Giao thông nông thôn, thôn Cha'nóc	Cha'nóc	2.500		2.500	2.500		
52	Đường Giao thông nông thôn, thôn Voong	Achoong	2.500		2.500	2.500		
53	Đường giao thông đi vào khu sản xuất Zi liêng	Voong	3.500		3.500	3.500		
54	Đường giao thông đi vào khu sản xuất Aduôi (Đoàn từ thôn A riêu đi đập thủy điện Tr'hy)	Voong	3.500		3.500	3.500		
55	Mở đường khu sản xuất Adhưoch có chiều dài khoảng 5km (Voong)	Voong	3.500		3.500	3.500		
56	Mở đường khu sản xuất Arâng 3km (Voong)	Voong	3.500		3.500	3.500		
57	Chi nác tới Pinang qua Đhur Ngoong	Da'ding	3.500		3.500	3.500		
58	Đường vào khu sản xuất Gaduy	Arooi	3.500		3.500	3.500		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
59	Đường sản xuất Arooi đi suối keen ve lại thôn Ating 15 km	Arooi+Atin g	25.000		25.000	25.000		
60	Đường vào khu sản xuất Alum	Agriih	3.500		3.500	3.500		
61	Đường vào khu sản xuất Cơ ram	Agriih	3.500		3.500	3.500		
62	Đường vào khu sản xuất Tang Cơ Lông và Ralêêng	Agriih	3.500		3.500	3.500		
63	Cầu bân đi vào thôn Agriih	Agriih	2.000		2.000	2.000		
64	Đường vào khu sản xuất Conh Glong	Achoong	3.500		3.500	3.500		
65	Đường vào khu sản xuất A dác	Achoong	5.500		5.500	5.500		
-6	<b>KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ</b>		-	-	-	-	-	
-7	<b>CẤP, THOÁT NƯỚC</b>		<b>71.930</b>	-	<b>71.930</b>	<b>71.930</b>		
1	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ariing	Ariing	3.000		3.000	3.000		
2	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Arâng	Arâng	3.600		3.600	3.600		
3	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ga'nil	Ga'nil	3.300		3.300	3.300		
4	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ki'noonh	Ki'noonh	4.100		4.100	4.100		
5	Xử lý hệ thống thoát nước thôn T'râm	T'râm	1.200		1.200	1.200		
6	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Agriih	Agriih	3.050		3.050	3.050		
7	Xử lý mương thoát nước thôn Voong	Voong	4.000		4.000	4.000		
8	Xử lý mương thoát nước thôn Ariêu	Ariêu	3.100		3.100	3.100		
9	Xử lý mương thoát nước thôn Abaanh I	Abaanh 1	2.030		2.030	2.030		
10	Xử lý mương thoát nước thôn Abaanh II	Abaanh 2	2.100		2.100	2.100		
11	Xử lý mương thoát nước thôn Dâm I	Dâm 1	3.700		3.700	3.700		
12	Xử lý mương thoát nước thôn Dâm II	Dâm 2	3.500		3.500	3.500		
13	Xử lý mương thoát nước thôn Achoong	Achoong	3.500		3.500	3.500		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp	ĐB, GPMB	
14	Xử lý mương thoát nước thôn Cha'nóc	Ch'nóc	3.100		3.100	3.100		
15	Xử lý mương thoát nước thôn Atu I	Atu 1	3.000		3.000	3.000		
16	Xử lý mương thoát nước thôn Atu II	Atu 2	2.130		2.130	2.130		
17	Xử lý mương thoát nước thôn H'juh II	H'juh	3.500		3.500	3.500		
18	Xử lý mương thoát nước thôn Ch'lăng	Ch'lăng	2.820		2.820	2.820		
19	Xử lý mương thoát nước thôn Nhung	Dhung	3.000		3.000	3.000		
20	Xử lý mương thoát nước thôn G'lao	Glao	2.600		2.600	2.600		
21	Xử lý mương thoát nước thôn Arooi	Arooi	2.500		2.500	2.500		
22	Xử lý mương thoát nước thôn Ating	Ating	3.100		3.100	3.100		
23	Xử lý mương thoát nước thôn Da'ding	Da'ding	3.000		3.000	3.000		
24	Xử lý mương thoát nước thôn Pút	Pút	3.000		3.000	3.000		
<b>-8</b>	<b>KHO TÀNG</b>		<b>10.000</b>		<b>10.000</b>	<b>10.000</b>		
1	Xây dựng nhà bảo tàng trưng bày văn hóa	Arâng	10.000		10.000	10.000		
<b>-9</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>		<b>5.000</b>		<b>5.000</b>	<b>5.000</b>		
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại 24 điểm thôn	Hùng Sơn	5.000		5.000	5.000		
<b>-10</b>	<b>THƯƠNG MẠI</b>		<b>42.000</b>		<b>42.000</b>	<b>42.000</b>		
1	Xây dựng Chợ Trung tâm xã Hùng Sơn	Arâng	25.000		25.000	25.000		
2	Xây dựng chợ cửa khẩu tại Cha'nóc	Cha'nóc	7.000		7.000	7.000		
3	Xây dựng Chợ nông thôn tại thôn Abaanh I	Abaanh I	5.000		5.000	5.000		
4	Xây dựng Bến xe Hùng Sơn	A râng	5.000		5.000	5.000		
<b>-11</b>	<b>DU LỊCH</b>		<b>30.000</b>		<b>30.000</b>	<b>30.000</b>		
2	Đầu tư du lịch Pơmu	Hùng Sơn	20.000		20.000	20.000		
3	Du lịch cộng đồng tại Gari và đôi tranh thôn Cha'nóc	Hùng Sơn	10.000		10.000	10.000		
<b>12</b>	<b>NGHĨA TRANG</b>		<b>84.000</b>		<b>84.000</b>	<b>84.000</b>		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
1	Xây dựng nghĩa trang thôn Arâng	Arâng	3.500		3.500	3.500		
2	Xây dựng nghĩa trang thôn Ariing	Ariing	3.500		3.500	3.500		
3	Xây dựng nghĩa trang thôn Ga'nil	Ga'nil	3.500		3.500	3.500		
4	Xây dựng nghĩa trang thôn Kí'noonh	Kí'noonh	3.500		3.500	3.500		
5	Xây dựng nghĩa trang thôn T'râm	T'râm	3.500		3.500	3.500		
6	Xây dựng nghĩa trang thôn A griih	Agriih	3.500		3.500	3.500		
7	Xây dựng nghĩa trang thôn Voong	Voong	3.500		3.500	3.500		
8	Xây dựng nghĩa trang thôn Ariêu	Ariêu	3.500		3.500	3.500		
9	Xây dựng nghĩa trang thôn Abaanh 1	Abaanh 1	3.500		3.500	3.500		
10	Xây dựng nghĩa trang thôn Abaanh 2	Abaanh 2	3.500		3.500	3.500		
11	Xây dựng nghĩa trang thôn Dâm 1	Dâm 1	3.500		3.500	3.500		
12	Xây dựng nghĩa trang thôn Dâm 2	Dâm 2	3.500		3.500	3.500		
13	Xây dựng nghĩa trang thôn Achoong	Achoong	3.500		3.500	3.500		
14	Xây dựng nghĩa trang thôn Cha'nóc	Cha'nóc	3.500		3.500	3.500		
15	Xây dựng nghĩa trang thôn Atu 1	Atu 1	3.500		3.500	3.500		
16	Xây dựng nghĩa trang thôn Atu 2	Atu 2	3.500		3.500	3.500		
17	Xây dựng nghĩa trang thôn H'juh	H'juh	3.500		3.500	3.500		
18	Xây dựng nghĩa trang thôn Cha'lăng	Cha'lăng	3.500		3.500	3.500		
19	Xây dựng nghĩa trang thôn Nhung	Nhung	3.500		3.500	3.500		
20	Xây dựng nghĩa trang thôn Glao	Glao	3.500		3.500	3.500		
21	Xây dựng nghĩa trang thôn Arooi	Arooi	3.500		3.500	3.500		
22	Xây dựng nghĩa trang thôn Ating	Ating	3.500		3.500	3.500		
23	Xây dựng nghĩa trang thôn Da'ding	Da'ding	3.500		3.500	3.500		
24	Xây dựng nghĩa trang thôn Pút	Pút	3.500		3.500	3.500		
13	<b>NƯỚC SINH HOẠT</b>		<b>165.000</b>		<b>165.000</b>	<b>165.000</b>		

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Đề xuất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó phân theo loại nguồn		Phân theo chi phí		
				NSTW	Ngân sách thành phố	Xây lắp		ĐB, GPMB
1	Nhà máy nước sạch Trung tâm xã		15.000		15.000	15.000		
2	Nước sạch sinh hoạt các thôn		150.000		150.000	150.000		
14	<b>LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH</b>							
XII	<b>BẢO ĐẢM XÃ HỘI</b>							

272

**PHỤ LỤC 3: BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ HÙNG SON TỪ NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN**  
 Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của HĐND xã Hùng Sơn

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Kê hoạch phân bổ vốn theo các năm			Sự cần thiết đầu tư
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	
<b>I</b>	<b>DỰ KIẾN ĐẦU TƯ MỚI</b>		<b>43.300</b>	<b>23.667</b>	<b>12.990</b>	<b>6.820</b>	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP</b>		<b>8.200</b>	<b>4.100</b>	<b>2.460</b>	<b>1.640</b>	
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng Trung tâm xã Hùng Sơn (từ TT xã đi thôn Ariing - đi thôn Ganil )	Thôn Ariing-Ga'nil	2.500	1.250	750	500	Các tuyến đường từ Trung tâm xã đi thôn Ariing và thôn Ga'nil (tuyến đường ĐH 4) chưa có điện chiếu sáng công cộng, đây là tuyến chính tại Trung tâm cần phải đầu tư
2	Hệ thống chống sét các thôn Dâm 1, 2, Agriih, Pút, Da'ding, Cha'lăng, Ch'nóc....	Các thôn	2.000	1.000	600	400	Tại thôn thường xuyên sét đánh, cần thiết phải đầu tư nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người dân
3	Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn thôn, Ariêu, Ki'noonh, Arâng, Ariing, Ki'noonh Agriih....	Hùng Sơn	2.500	1.250	750	500	Các thôn chưa có điện năng lượng, nhằm phục vụ đi lại cho người dân
4	Hệ thống hạ tầng điểm du lịch sinh thái Pơ Mu	A râng	1.200	600	360	240	Nơi đây là điểm nhận phát triển du lịch, nhằm phục vụ và phát triển bền vững tăng thu nhập cho người dân
<b>III</b>	<b>GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ</b>		<b>17.400</b>	<b>10.440</b>	<b>5.220</b>	<b>1.740</b>	
1	Đường giao thông thôn H'juh (khu mới)	H'juh	3.000	1.800	900	300	Khu mới thôn H'juh chưa có mặt đường bê tông, cần thiết phải đầu tư
2	Đường giao thông thôn Kinoonh	Kinoonh	2.000	1.200	600	200	Một số khu của thôn chưa có mặt đường, mặt đường chật hẹp, mất an toàn, cần thiết phải đầu tư sớm
3	Đường giao thông từ Trung tâm xã đi thôn Ariing	Ariing	5.500	3.300	1.650	550	Đoạn đường từ trung tâm xã đi về thôn Ariing và một số điểm tại mặt bằng thôn chưa có mặt đường, sự cần thiết đầu tư sớm
4	Cầu bản đi vào thôn Agriih và hạng mục phụ trợ khác	Agriih	1.500	900	450	150	Mỗi lúc lũ, nước tràn qua cống, khả năng đứt cống và cô lập thôn, nên phải đầu tư
5	Đường giao thông xung quang thôn Ariing (khu 3)	Ariing	1.200	720	360	120	Mặt bằng thôn Ariing (khu 3) chưa có mặt đường bê tông, việc đầu tư là hết sức cần thiết

6	Đường giao thông xung quang thôn Cha'nóc	Cha'nóc	1.200	720	360	120	Mặt bằng thôn Cha'nóc (khu 2) chưa có mặt đường bê tông, việc đầu tư là hết sức cần thiết
7	Đường giao thông từ thôn Ariêu về Thùỵ điện Tr'hy (Ađuól)	Ariêu	3.000	1.800	900	300	Đoạn đường từ thôn Ariêu về Thùỵ điện Tr'hy chưa có mặt đường, cống, mương và hạng mục khác, cần phải đầu tư
<b>IV</b>	<b>CÁP, THOÁT NƯỚC</b>		<b>14.700</b>	<b>7.350</b>	<b>4.410</b>	<b>2.940</b>	
1	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ariing	Ariing	2.500	1.250	750	500	Dân số thôn Ariing, rất đông, tới 03 khu chính, nhưng hệ thống mương thoát nước chưa có, gây ô nhiễm môi trường
2	Xử lý hệ thống thoát nước thôn Ki'noonh	Ki'noonh	3.200	1.600	960	640	Lưu lượng nước thải và nước mưa rất lớn, gây ngập úng thôn nhiều lần, cần thiết phải đầu tư sớm
3	Xử lý mương thoát nước thôn H'juh	H'juh	3.500	1.750	1.050	700	Mặt bằng mới chưa có mương, cần thiết phải đầu tư sớm
4	Xử lý mương thoát nước thôn Arooi	Arooi	2.000	1.000	600	400	Tại Taluy dương chưa có mương, mỗi lúc mưa, thường xuyên nước chảy về thôn làm khó khăn sinh hoạt, cần phải đầu tư sớm
6	Xử lý mương thoát nước thôn Ariêu	Ariêu	2.000	1.000	600	400	Tại Taluy dương chưa có mương, mỗi lúc mưa, thường xuyên nước chảy về thôn làm khó khăn sinh hoạt, cần phải đầu tư sớm
7	Xử lý mương thoát nước thôn Dâm II	Dâm II	1.500	750	450	300	Tại Taluy dương chưa có mương, mỗi lúc mưa, thường xuyên nước chảy về thôn làm khó khăn sinh hoạt, cần phải đầu tư sớm
<b>V</b>	<b>NUỚC SINH HOẠT</b>		<b>3.000</b>	<b>1.777</b>	<b>900</b>	<b>500</b>	
1	Nâng cấp nước sinh hoạt thôn Cha'nóc	Cha'nóc	1.000	600	300	100	Dân số thôn Cha'nóc rất đông, cần thiết phải đầu tư, đây là điểm cửa khẩu phụ
2	Nước sinh hoạt Trung tâm xã Hùng Sơn	Arâng	2.000	1.177	600	400	Nguồn cũ đã hư, cần đầu tư gấp nhằm phục vụ nước sinh hoạt cho Trung tâm xã
<b>II</b>	<b>DỰ KIẾN TRẢ NỢ CÁC CÔNG TRÌNH</b>			<b>7.000</b>			<b>Sẽ phân bổ chi tiết sau khi có quyết định quyết toán</b>
	<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>		<b>43.300</b>	<b>30.667</b>	<b>12.990</b>	<b>6.820</b>	





2	Đường giao thông đi từ thôn Dâm II sang xã La êê, huyện Nam Giang (cũ), 25km	Dâm 2	150.000		150.000	142.500	7.500
3	Đường Giao thông từ thôn Abaanh I đi cửa khẩu phụ Cha'nốc	Hùng Sơn	250.000		250.000	237.500	12.500
4	Nâng cấp ở rộng đường Giao thông ĐH4 từ Trung tâm xã đi thôn Achoong	Achoong	300.000		300.000	300.000	
<b>III</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ</b>		<b>50.000</b>		<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>-</b>
1	Xây dựng khu công nghiệp cửa khẩu phụ Cha'nốc	Cha'nốc	50.000		50.000	50.000	
<b>IV</b>	<b>DU LỊCH</b>		<b>100.000</b>		<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	
1	Đầu tư du lịch đỉnh K'lang (Đỉnh Đố quyên ở độ cao 2.050m so với mực nước biển)	Hùng Sơn	100.000		100.000	100.000	
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH</b>		<b>150.000</b>	<b>-</b>	<b>150.000</b>	<b>142.500</b>	<b>7.500</b>
1	Xây dựng trụ sở hành chính xã Hùng Sơn	thôn Arâng	150.000		150.000	142.500	7.500